

Bản án số: 275/2019/DS-PT

Ngày: 19/9/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;
Bà Nguyễn Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trịnh Thu Tân
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 và 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLPT-DS ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân quận T.X, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 173/2019/QĐ-PT ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH X Việt Nam; Địa chỉ: Số 01, A21 N.T, phường N.T, quận T.X, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Đ.Q.K - Chủ tịch HĐQT. Đại diện theo ủy quyền: Ông Đ.Q.V- Giám đốc Công ty TNHH X Việt Nam. Có mặt ông V.

2. Bị đơn: Ông V.D.T; Địa chỉ: Số 36A, ngõ 178 phố Q.N, phường N.C, quận T.X, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N.Đ.T(đã chết) là: Bà Đ.T.T(vợ ông T); Chị N.T.D.Lvà anh N.Đ.H(các con ông T). Cùng địa chỉ: Số 36, ngõ 178 phố Q.N, phường N.C, quận T.X, thành phố Hà Nội. Điều vắng mặt.

3.2. Bà L.K.D(vợ ông T) và anh V.D.D(con ông T). Cùng địa chỉ: Số 36A, ngõ 178 phố Q.N, phường N.C, quận T.X, thành phố Hà Nội. Điều vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông V.D.T - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn X Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty X) do ông Đ.Q.K đại diện theo pháp luật của Công ty trình bày:

Ông N.Đ.T1 là hộ liên kế gia đình ông V.D.T, xây dựng nhà làm ảnh hưởng đến nhà ông T tại số nhà 36A, ngõ 178 Q.N, phường N.C, quận T.X, thành phố Hà Nội. Ông T và ông T có liên hệ với Công ty X để xử lý những ảnh hưởng liên quan đến nhà ông T.

Ngày 27/12/2012, UBND phường N.C đã lập Biên bản làm việc giữa ông T, ông T và Công ty X và kết luận: gia đình ông T thực hiện các nội dung của ông T đã nêu về việc chống lún nhà. Gia đình ông T có trách nhiệm thanh toán tiền cho Công ty X là 270.000.000đ sau khi Công ty X hoàn thành công việc chống lún nhà ông T.

Ngày 28/12/2012, ba bên có cùng ký Hợp đồng chống lún (theo thỏa thuận bồi thường công trình nhà ở gia đình địa điểm số 36A, ngõ 178 Q.N, Hà Nội) trong đó: bên A là ông T, bên B là Công ty X; bên C là ông T (BL 27) Giá trị hợp đồng 270.000.000đ.

Ngày 29/12/2012, Công ty X đã trực tiếp khảo sát hiện trường là nhà ông T và hai bên có lập Biên bản khảo sát hiện trường.

Ngày 31/12/2012, giữa Công ty X và ông V.D.T có ký hợp đồng bổ sung số 01/HĐBS-LN. Nội dung ông T thuê Công ty X làm các công việc: “ Thiết kế và thi công dầm móng gia cố, chống lún hai cạnh còn lại của công trình nhà số 36A, ngõ 178 Q.N, cụ thể: thi công dầm móng gia cố phía bên phải giáp nhà bà Thúy dài 09m, phía sau giáp nhà bà Hải dài 2,3m; thi công ép cọc chống lún từ cọc số 20 đến cọc số 32 (13 cọc)”.

Trong quá trình thi công theo hợp đồng chống lún và hợp đồng bổ sung, ông T đã ký nghiệm thu công trình vào ngày 16/01/2013 và ký nhận nghiệm thu trong sổ nhật ký ép cọc của Công ty TNHH xử lý lún nghiêng. Cuối tháng 01 năm 2013 toàn bộ việc chống lún nhà ông T theo Hợp đồng số 02/HĐ-LN và hợp đồng bổ sung số 01/HĐBS-LN đã hoàn thành, ông T đã tiếp nhận sử dụng nhà ở nhưng không thanh toán khoản tiền 120.000.000 đồng mà Công ty X và ông T đã thỏa thuận để trả theo hợp đồng bổ sung mà hai bên đã ký kết.

Công ty TNHH XViệt Nam yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 120.000.000 đồng và thanh toán tiền lãi của số tiền 120.000.000 đồng

theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà Nước tương ứng với thời gian ông T chậm thanh toán.

Tại đơn yêu cầu phản tố, bản tự khai, các phiên hòa giải, bị đơn ông V.D.T trình bày:

Năm 2010, gia đình ông T xây dựng căn nhà 05 tầng, diện tích 45m², kết cấu nhà khung bê tông theo giấy phép xây dựng của UBND quận T.X, thành phố Hà Nội.

Ngày 01/4/2012 gia đình ông T (hộ liền kề với gia đình ông T) xây nhà 07 tầng, diện tích 55m² đã làm ảnh hưởng đến nhà ông T, căn nhà bị lún nghiêng về phía trước nhà ông T, độ nghiêng khoảng từ 01cm đến 1,5cm và nứt 01 viên gạch của nền nhà tầng một. Ông T đã mời Công ty X về tại nhà ông để xem xét và xử lý.

Ngày 27/12/2012 tại UBND phường N.C, quận T.X, thành phố Hà Nội có biên bản làm việc trên cơ sở thỏa thuận của hai gia đình (gia đình ông T, gia đình ông T) và ông Đ.Q.K - Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH X Việt Nam thống nhất; Gia đình ông T phải thực hiện các nội dung do ông T nêu đó chống lún cho nhà ông và trả tiền chống lún 270.000.000đ cho Công ty TNHH X Việt Nam sau khi họ hoàn thành công việc chống lún cho nhà ông.

Ông công nhận có ký hợp đồng chống lún với ông T và Công ty X Việt Nam theo hợp đồng số 02 ngày 28/12/2012. Giá trị hợp đồng 270.000.000đ do ông T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty X.

Ngày 29/12/2012 Công ty TNHH X Việt Nam có biên bản khảo sát hiện trường; xác định hiện trạng nhà của gia đình ông T bị lún nghiêng về phía nhà ông T, độ nghiêng khoảng từ 01cm đến 1,5cm, sàn nhà tầng một bị nứt 01 viên gạch, ngoài ra không còn gì khác. Ông Khánh (đại diện Công ty X) có trao đổi lại với ông T và ông T độ lún nghiêng không đáng kể, chỉ giới cho phép chỉ cần gia cố làm chống lún là công trình đảm bảo tốt, an toàn. Ông T, ông T thống nhất với ý kiến của ông Khánh.

Ngày 31/12/2012, giữa Công ty TNHH X Việt Nam và ông có ký hợp đồng bổ sung số 01/HĐBS-LN có giá trị 120.000.000 đồng với nội dung công việc để Công ty X xử lý 02 cạnh nhà còn lại của ông. Hợp đồng bổ sung này do ông T chịu trách nhiệm thanh toán trả tiền cho Công ty X.

Quá trình thực hiện Hợp đồng chống lún và hợp đồng bổ sung: Đối với Hợp đồng chống lún ký ngày 28/12/2012 sau khi Công ty X hoàn thành và có biên bản nghiệm thu thì ông T đã thanh toán trả Công ty X số tiền 270.000.000đ.

Còn quá trình thực hiện các công việc theo hợp đồng bổ sung, sau khi Công ty X hoàn thành công việc như đã ký kết. Ông T đã kiểm tra bằng phương pháp thủ công (thả dọi) thấy nhà bị lún nghiêng 0,7cm, chiều cao độ nghiêng

khoảng 9,5m (3 tầng) do vậy ông T đã không đồng ý trả tiền vì chất lượng không đảm bảo và yêu cầu Công ty TNHH XViệt Nam khắc phục ngay vào ngày 30/05/2013, nhưng phía Công ty TNHH XViệt Nam không thực hiện. Vì vậy ông không thanh toán số tiền 120.000.000đ cho Công ty X.

Ngày 06/3/2014, ông T có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu trưng cầu giám định, kiểm định chất lượng công trình và yêu cầu triệu tập người biết việc, người liên quan, người làm chứng. Ông V.D.T có yêu cầu phản tố đối với toàn bộ hợp đồng chống lún được ký ngày 28/12/2012 giữa bên A là ông N.Đ.T, bên B là Công ty TNHH XViệt Nam, bên C là ông V.D.T, giá trị của hợp đồng này là 270 triệu đồng (đã được trả ngay sau khi ký hợp đồng) và hợp đồng bổ sung giữa ông V.D.T và Công ty TNHH XViệt Nam, giá trị hợp đồng là 120 triệu đồng. Tổng giá trị số tiền mà ông V.D.T yêu cầu phản tố là 390 triệu đồng. Lý do quá trình thi công Công ty TNHH X Việt Nam đã không đảm bảo được chất lượng, kỹ thuật công trình khi chống lún.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông N.Đ.T trình bày: Gia đình ông T ở tại số nhà 36, ngõ 178 phố Q.N, phường N.C, quận T.X, Hà Nội liền kề nhà ông V.D.T số 36A, Ngõ 178 phố Q.N, phường N.C, quận T.X, Hà Nội. Năm 2012, gia đình ông xây dựng nhà có ảnh hưởng đến nhà ông T, bị đội đất, nứt gạch nền nhưng không bị nghiêng, lún. Giữa hai gia đình đã có biên bản làm việc với nhau tại UBND phường N.C ngày 27/12/2012, khi đó có cả ông Khánh là đại diện cho Công ty TNHH XViệt Nam, gia đình ông T đồng ý sửa chữa cho nhà ông T. Ngày 29/12/2012, Công ty TNHH XViệt Nam đã tiến hành khảo sát hiện trường nhà ông T.

Căn cứ biên bản khảo sát hiện trường nhà ông T, gia đình ông T đồng ý sửa chữa và có ký hợp đồng với Công ty TNHH XViệt Nam do ông Đ.Q.K, Chủ tịch HĐTV đại diện. Theo đó, ngày 28/12/2012, ông N.Đ.T (Bên A), ông Đ.Q.K (Bên B) và ông V.D.T (Bên C) có ký hợp đồng số 02/HĐ-LN chống lún theo thỏa thuận để bồi thường cho nhà ông V.D.T. Nội dung công việc chống lún nhà ông T. Mức bồi thường và công việc phải làm theo thỏa thuận đã được ghi cụ thể trong hợp đồng đã ký. Ông T đã trả tiền cho ông Khánh để xử lý việc sửa chữa cho nhà ông T, ông Khánh thi công theo đúng nội dung đã được ghi trong hợp đồng; các công việc theo hợp đồng đã được tiến hành giám sát và nghiệm thu bởi ông T, ông T. Gia đình ông T đã đưa công trình này vào sử dụng, ông T đã trả tiền cho Công ty X đầy đủ theo hợp đồng vào ngày 01/01/2013 là 270.000.000đ. Từ khi Công ty X thi công xong và được ông T nghiệm thu từng phần công việc, phía ông T không có ý kiến gì đối với phần công việc mà ông T

trả tiền cho Công ty X theo hợp đồng ba bên đã ký tại hợp đồng số 02/HĐ-LN ngày 28/12/2012.

Nay ông T khẳng định việc ông T, Công ty X và ông T ký hợp đồng số 02/HĐ-LN ngày 28/12/2012 đã được thực hiện xong, ông T đã thanh toán hết tiền cho Công ty X, ông T không có ý kiến gì về chất lượng công việc mà Công ty X đã thi công nên ông T ký nghiệm thu công trình và hợp đồng đã kết thúc.

Đối với hợp đồng bổ sung số 01/HĐBS-LN ngày 31/12/2012 giữa ông V.D.T và Công ty TNHH XViệt Nam do ông Khánh đại diện, ông T có biết nhưng về phần giá trị hợp đồng và nội dung hợp đồng như thế nào thì ông T không nắm được và hợp đồng này không có liên quan đến hợp đồng của ông T đã ký.

Hiện nay, gia đình ông T vẫn ăn ở thường xuyên tại đây, nhà của ông T có lún, nghiêng hay không ông T không nắm được. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty X với ông T về việc trả tiền theo Hợp đồng bổ sung mà ông T ký kết, ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Còn yêu cầu phản tố của ông T đối với cả số tiền ông T đã bồi thường 270.000.000đồng cho ông T, ông T khẳng định không liên quan vì ông T đã ký nghiệm thu công việc xây dựng của hợp đồng số 02/HĐ-LN ngày 28/12/2012, ông T đã thanh toán cho Công ty X nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ông T đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt ông vì lý do sức khỏe, mọi quyết định của Tòa án ông T cam kết tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/3/2016, ông Đ.Q.K (đại diện Công ty TNHH xử lý lún nghiêng) xuất trình cho Tòa án: Bản photo giấy chứng tử của ông N.Đ.T. Ông N.Đ.T chết ngày 02/7/2015.

Ngày 25/10/2016 Tòa án đã có biên bản trao đổi với Tổ trưởng tổ dân phố số 9, phường N.C, quận T.X, thành phố Hà Nội xác minh những người đang sinh sống tại địa chỉ: Số 36, Ngõ 178 phố Q.N, phường N.C, quận T.X, Hà Nội. Bà T'(vợ ông T) cho biết trong gia đình bà hiện có: Bà và hai con là N. T. D.L, sinh ngày 30/6/1980 và N. Đ. H, sinh ngày 30/10/1982. Hiện tại bà T', chị L, anh H đang sinh sống tại nhà Số 36, Ngõ 178 phố Q.N, phường N.C, quận T.X, thành phố Hà Nội. Bà T', chị L, anh H không liên quan đến việc Công ty TNHH X Việt Nam khởi kiện ra Tòa đối với ông V.D.T , địa chỉ số nhà 36A, ngõ 178 phố Q.N, phường N.C, quận T.X, Hà Nội. Bà T', chị L, anh H xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại TAND quận T.X, thành phố Hà Nội.

2. Bà L.K.D và anh V.D.D cùng trình bày: Mẹ con bà nhất trí với những yêu cầu của ông T và không trình bày gì khác.

Bản án số 07/2018/DSST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân quận T.X, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X Việt Nam đối với bị đơn ông V.D.T về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng.

2. Buộc ông V.D.T phải thanh toán trả cho Công ty TNHH X Việt Nam số tiền gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 55.800.000 đồng (Năm mươi năm triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi ông T phải trả cho Công ty TNHH X Việt Nam là: 175.800.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu phân tố của ông V.D.T đối với Công ty TNHH X Việt Nam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10/10/2018, ông V.D.T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Phân tích nội dung vụ án và đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho TAND quận T.X để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự; quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông V.D.T cho thấy:

[2.1]. Ngày 28/12/2012, ông N.Đ.T (bên A), Công ty TNHH X Việt Nam do ông Đ.Q.K đại diện (bên B), ông V.D.T (bên C) cùng ký Hợp đồng chống lún (theo thỏa thuận bồi thường) công trình: nhà ở gia đình số 02/HĐ-LN. Địa điểm số 36A, ngõ 178, Q.N, Hà Nội (BL 35). Theo nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận: bên B thực hiện các công việc cụ thể: Về Khảo sát - Thiết kế + Thi công các công việc cụ thể. Giá trị hợp đồng là 270.000.000đ.

[2.2]. Ngày 31/12/2012, ông V.D.T chủ nhà số 36A, ngõ 178, Q.N, Hà Nội (Bên A); Công ty TNHH X Việt Nam do ông Đ.Q.K đại diện (Bên B) cùng ký Hợp đồng bổ sung số 01/HĐBS- LN công trình nhà ở gia đình; Địa điểm: số

36A, ngõ 178, Q.N, Hà Nội (BL33). Theo nội dung hợp đồng bên A thuê bên B thực hiện các công việc: Thiết kế và thi công dầm móng gia cố, chống lún hai cạnh còn lại của công trình nhà số 36A, ngõ 178, Q.N. Cụ thể: thi công dầm móng gia cố phía bên phải giáp nhà bà Thuỷ dài 09m, phía sau giáp nhà bà Hải dài 2,3m; thi công ép cọc chống lún từ cọc số 20 đến cọc số 32 (13 cọc). Giá trị hợp đồng các bên thỏa thuận là 120.000.000đ.

[2.3]. Theo nội dung các bên ký kết thỏa thuận trong hợp đồng số 02 và hợp đồng bổ sung số 01 vào năm 2012. Nay có tranh chấp liên quan đến hợp đồng các bên đã ký kết sẽ áp dụng theo Bộ luật dân sự năm 2005. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 thì hợp đồng các bên đã ký kết là Hợp đồng dân sự và cụ thể là hợp đồng dịch vụ được quy định tại Điều 518 BLDS năm 2005: *“Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ”*. Đối tượng của hợp đồng dịch vụ do các bên thỏa thuận là công việc có thể thực hiện được, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội theo Điều 519 BLDS 2005.

[3]. Quá trình thực hiện hợp đồng: Ông T cho rằng Công ty X vi phạm các cam kết thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến chất lượng công trình không đảm bảo; Công ty X xác định quá trình thi công đúng như thỏa thuận của các bên. Do có tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nên Hội đồng xét xử xem xét về hình thức, nội dung của hợp đồng và việc các bên thực hiện hợp đồng như sau:

[3.1]. Về hình thức hợp đồng được các bên lập thành văn bản; các bên tự do ký kết; tự nguyện, bình đẳng phù hợp với quy định tại Điều 388, Điều 389 và Điều 401 của Bộ luật dân sự 2005.

Về nội dung hợp đồng: Các bên có thỏa thuận các nội dung công việc phải làm, trách nhiệm của các bên; thời gian hoàn thành, phương thức thanh toán; thủ tục nghiệm thu và bảo hành ...phù hợp với quy định tại Điều 402 của BLDS năm 2005.

[3.2]. Do Hợp đồng chống lún số 02/HĐ-LN và Hợp đồng bổ sung số 01 không tách rời với Hợp đồng số 02. Nên HĐXX xem xét và đánh giá tổng thể toàn diện quá trình thực hiện hợp đồng của các bên như sau:

- Ông T khai Công ty X vi phạm về nội dung Thi công được thỏa thuận tại khoản 2 Điều I của Hợp đồng chống lún số 02/HĐ-LN ngày 28/12/2012 đó là: Đổ bê tông dầm móng gia cố mác 350, nhưng thực tế Công ty X làm không đúng như đã thỏa thuận; Công ty X tự ý cắt dầm móng nhà của ông dẫn đến chất lượng công trình không đảm bảo.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử có xem xét nội dung các bên thỏa thuận tại khoản 2 Điều I của hợp đồng chống lún số 02/HĐ-LN ngày 28/12/2012 thì thấy: trong nội dung các công việc cụ thể mà Công ty X phải làm không có nội dung “ Cắt sắt dầm móng nhà; không có thỏa thuận về việc đổ bê tông dầm móng gia cố mác 350”. Tại phiên tòa ông T công nhận trong hợp đồng không thỏa thuận nội dung này, nhưng khi Công ty X thi công thì ông và ông Khánh thỏa thuận miệng về mác bê tông 350 và đồng ý cho đội thi công cắt sắt dầm móng nhà. Đây là sự thỏa thuận riêng của ông T và ông Khánh, không có trong nội dung của Hợp đồng số 02/HĐ-LN mà 03 bên là ông T (bên A), Công ty X Việt Nam(bên B) và ông T (bên C) đã ký kết; nên không có căn cứ xem xét.

- Ông T khai quá trình thi công của Công ty X còn vi phạm về thời gian hoàn thành; từng bước công việc của đội thi công ông giám sát và có nhắc nhở nhiều lần; Công ty còn vi phạm về việc nghiệm thu và bàn giao công trình. Nhưng tại phiên tòa ông T công nhận những lần ông có ý kiến tham gia về nội dung thi công từng công đoạn thì ông Khánh đều tiếp thu và khắc phục theo sự tham gia của ông, vì vậy chưa lần nào ông phải yêu cầu tạm dừng thi công. Ông T cũng công nhận, bên thi công bị vượt quá thời gian thi công đã thỏa thuận nhưng ông cũng nhất trí mà không có yêu cầu Công ty X phải hoàn thành toàn bộ công việc theo thời gian thỏa thuận mà để công ty làm để đảm bảo chất lượng công việc.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét về thỏa thuận của các bên tại Điều 6 Hợp đồng chống lún “ Nghiệm thu và bàn giao công trình” thì thấy: Tại Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng lập ngày 16/1/2013(BL 19) có nội dung về việc Đánh giá chất lượng của công việc xây dựng đã thực hiện “ *Đảm bảo chất lượng, khối lượng, kỹ thuật theo thiết kế và các tiêu chuẩn xây dựng hiện hành*”; các ý kiến khác có nội dung “ *Cơ bản đảm bảo chất lượng, số lượng, kỹ thuật theo thiết kế...*”; và kết luận nghiệm thu “ *Đồng ý nghiệm thu để đơn vị thi công triển khai công việc tiếp theo (chủ nhà có chụp ảnh)*”. Ông T công nhận cùng ký tên vào Biên bản nghiệm thu này. Ngoài ra ông T còn công nhận có ký xác nhận vào Nhật ký ép cọc được lập theo từng công đoạn thi công (là công việc thi công được ông T và Công ty X ký kết trong hợp đồng bổ sung số 01); thời gian thi công theo nội dung thỏa thuận bổ sung, ông T công nhận không có lần nào ông có yêu cầu tạm đình chỉ (hay đình chỉ) thi công đối với Công ty X. Như vậy, các bên đã cùng ký nghiệm thu từng công đoạn thi công phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 6. Tuy nhiên, các bên chưa lập được biên bản nghiệm thu một lần giữa bên B, bên C và sự chứng kiến của bên A (nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng). Mặc dù các bên chưa lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng nhưng ông T xác định gia đình ông vẫn

đang sinh sống tại nhà số 36A, ngõ 178, Q.N, Hà Nội chính là địa điểm mà Công ty X thi công. Ông T cho biết lý do ông không ký vào biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng là vì chất lượng thi công không đảm bảo dẫn đến chất lượng công trình không đảm bảo. Tuy nhiên, như phân tích trên thì thấy: quá trình thi công các bên đã cùng ký vào biên bản nghiệm thu từng phần công việc. Biên bản nghiệm thu một lần là biên bản tổng hợp của các biên bản nghiệm thu từng phần. Nay do các bên có tranh chấp nên không thể lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình; việc chưa lập được biên bản nghiệm thu một lần này không làm thay đổi kết quả của các biên bản nghiệm thu từng phần công việc trong quá trình thi công của Công ty X Việt Nam.

- Ngoài ra ông T còn cho rằng Công ty X vi phạm điều khoản về “Kiểm tra” được quy định tại Điều 3 phần “Trách nhiệm của bên C- mục 4”. Vì sau khi ông ký hợp đồng xong do bận công tác nên ông không thường xuyên ở nhà mà tin tưởng Công ty X đã xử lý nhiều công trình rồi nên không kiểm tra. Về vấn đề này cho thấy: nội dung thỏa thuận này quy định trách nhiệm của bên ông T không phải trách nhiệm của Công ty X.

[4]. Xét các căn cứ ông T cho rằng chất lượng thi công công trình của Công ty X không đảm bảo chất lượng:

Chứng cứ ông T cung cấp là kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, khi thả dọi xuống thì cho kết quả nhà ông bị nghiêng về phía trước (quá so với khảo sát ban đầu khi chưa xử lý); các bức ảnh do ông tự chụp ngôi nhà trước và sau khi xử lý lún cũng cho kết quả nhà của ông bị nghiêng nhiều sau khi xử lý lún.

Công ty X Việt Nam xác định các chứng cứ mà ông T cung cấp trên không đủ cơ sở xác định chất lượng công trình là nhà của ông T bị nghiêng so với trước khi xử lý. Thực tế ngôi nhà đã bị nghiêng trước khi Công ty xử lý lún, trong hợp đồng chỉ thỏa thuận về việc xử lý lún cho ngôi nhà.

Hội đồng xét xử xem xét nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng có liên quan đến chất lượng công trình sau khi đã được xử lý thì thấy: Tại Điều 7 khoản 3 của Hợp đồng chống lún số 02 có nội dung “ .. *kiểu nại chỉ được coi là hợp lý nếu có kết quả kiểm định độ lún, nghiêng của đơn vị thứ 3 có tư cách pháp nhân chứ không thể theo cảm tính, chủ quan.*” Như vậy, việc ông T căn cứ vào ảnh chụp và tự thả dọi để kiểm tra không là căn cứ để đánh giá chất lượng công trình. Ông T có yêu cầu phản tố cho rằng chất lượng công trình không đảm bảo và nhà của ông tiếp tục bị nghiêng so với ban đầu, nhưng ông chưa đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu phản tố của ông là có căn cứ. Lẽ ra, Tòa án sơ thẩm ra thông báo để yêu cầu ông T giao nộp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu phản tố của ông là có căn cứ. Nhưng Tòa sơ thẩm lại căn cứ

vào việc đã triệu tập 03 lần họp lệ mà ông T không có mặt để đình chỉ yêu cầu phản tố của ông T là chưa chính xác. Mà cần sửa lại lý do đình chỉ yêu cầu phản tố của ông T do chưa đủ căn cứ khởi kiện. Ông T được khởi kiện lại khi ông có chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của ông theo quy định pháp luật.

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Hoãn phiên tòa với lý do: Ông chưa nhận được kết quả “Giải quyết khiếu nại” của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đối với Quyết định giải quyết về việc thay đổi Thẩm phán của Tòa án nhân dân TP. Hà Nội.

Xét yêu cầu này của ông T cho thấy: Ngày 29/8/2019 Tòa án nhân dân TP. Hà Nội đã nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 36/2019/QĐ-GQKN ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Hà Nội. Tại mục “Nơi nhận” có tên ông V.D.T. Hơn nữa theo quy định của pháp luật thì lý do này của ông T không là căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hoãn phiên tòa.

- Ông V.D.T có đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập thêm những người liên quan vì họ biết rõ việc thi công chống lún nhà ông; làm rõ một số thành phần đại diện địa phương không có mặt tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân quận T.X nhưng vẫn có chữ ký là sai pháp luật; biên bản xem xét có chỗ viết thêm vào nhưng không có chữ ký xác nhận.

Xét yêu cầu này của ông T: Tại BL số 290 là Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 9/1/2017, từng trang biên bản đều có chữ ký chốt trang của các đương sự; cuối biên bản có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng dấu của chính quyền địa phương; có nội dung do ông T tự viết thêm. Tại BL 350 là Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2017, từng trang biên bản đều có chữ ký chốt trang của các bên đương sự; cuối biên bản còn có nội dung do ông T tự viết bổ sung và ký tên; có đủ các thành phần tham gia ký tên cuối biên bản và xác nhận của chính quyền địa phương. Cho thấy: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ được lập đúng quy định và có đủ chữ ký của các đương sự chốt từng trang biên bản xác nhận các công việc xem xét tại chỗ của Tòa án.

Đối với yêu cầu triệu tập thêm người liên quan để làm rõ nội dung vụ án, thì thấy: như phân tích của Hội đồng xét xử tại các mục [3,4] trên thì Tòa án sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ vụ án nên không cần thiết phải triệu tập thêm những người khác theo yêu cầu của ông T.

Kháng cáo của ông V.D.T không được chấp nhận. Quan điểm của đại diện VKS không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm.

Từ những phân tích trên cho thấy: Bản án sơ thẩm đã giải quyết trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ vụ án và quyết định đúng pháp luật. Cần giữ nguyên án sơ thẩm; tuy nhiên cần sửa lại lý do đình chỉ trả lại đơn yêu cầu phản tố của ông T. Vì vậy ông T kháng cáo không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 của BLTTDS: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DSST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân quận T.X, thành phố Hà Nội.

Căn cứ các Điều: 280, 283, 285, 290, 302, 305, 306, 307 BLDS2005; Điều 125, 139, 141, 144 Luật xây dựng năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH XViệt Nam đối với bị đơn ông V.D.T về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng.

2. Buộc ông V.D.T phải thanh toán trả cho Công ty TNHH XViệt Nam số tiền gốc là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 55.800.000đ (Năm mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi ông T phải trả cho Công ty TNHH XViệt Nam là 175.800.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Đình chỉ trả lại đơn yêu cầu phản tố của ông V.D.T đối với Công ty TNHH XViệt Nam.

4. Về án phí: Ông V.D.T phải chịu 8.790.000đ (Tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) án phí DSST. Hoàn trả ông T 9.750.000đ (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố (tại BL số AC/2010/0005390 ngày 14/4/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận T.X, thành phố Hà Nội); đối trừ khoản tiền án phí phải nộp ông T còn được nhận lại 960.000đ (Chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoàn trả Công ty TNHH XViệt Nam số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2010/0004999 ngày 28/10/2013 của Chi cục thi hành án dân sự quận T.X, thành phố Hà Nội.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả ông V.D.T số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005400 ngày 17/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T.X, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân quận T.X
- Chi cục THADS quận T.X
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện

